TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 02 - 2026
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 393/2025/TLST -HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2496/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G; Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Số CCCD: 096189005587, cấp ngày 27/3/2023

Địa chỉ cư trú: Khóm X, phường Y, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Chí C; Sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm X, phường Y, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C chung sống với nhau từ khoảng năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau có phát sinh mâu thuẫn do ông C ghen tuông vô cớ và không tin tưởng, tôn trọng bà. Bà G xác định hiện vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Không có con chung.

-Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

** Tại Biên bản hòa giải và Bản tự khai ông Lâm Chí C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C chung sống với nhau từ khoảng năm 2014, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bà G thường xuyên đi vắng nhà ông không tin tưởng dẫn đến cự cải và ông có đập phá một số đồ đạc trong nhà. Nay ông C đồng ý ly hôn với bà G.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ông C yêu cầu Tòa án xét xử và giải quyết vắng mặt ông C. Ngoài ra ông C không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lâm Chí C yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Khoảng năm 2016, bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà G và ông C không có giá trị pháp lý. Do đó, không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Lâm Chí C là vợ chồng.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 04/12/2025 bà Nguyễn Thị G có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005821 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 1 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Hàng Bích Trâm